

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 22 – 3 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Thanh Phương;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2020/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Thái Thị Bé A, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 06, tổ 20, khóm C, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Chị Hồ Thị B, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Tổ 15, khóm MT, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Diễm UA (M), sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 07, khóm CL, phường C, thành phố X, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đồng nguyên đơn trình bày:

Chị (Thái Thị Bé A) có cho chị Hồ Thị B số tiền vay 49.000.000 (Bốn mươi chín nghìn) đồng; mỗi ngày góp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và sẽ thanh toán dứt vào tháng 11/2018 (có biên nhận nợ); không tính lãi; nhưng đến nay chị B trả cho chị được 1.000.000 (Một triệu) đồng vào năm 2019 thì ngưng cho đến nay. Nay yêu cầu chị B trả cho chị số tiền 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng, không tính lãi.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hồ Thị B trình bày:

Chị (B) có nhờ bà Nguyễn Thị Diễm UA hỏi vay tiền của chị Bé A. Giấy nhận nợ do chị A cung cấp cho Tòa án, chị xác định chữ ký tên B là chữ ký của chị, nhưng chị không trực tiếp vay tiền của chị A mà thông qua Diễm UA (M). Tuy nhiên, chị cho rằng khoản tiền vay này chị xác định vốn vay chỉ 20.000.000 đồng + tiền lãi mới ra 49.000.000 đồng; thời gian vay số tiền 20.000.000 đồng chị không nhớ, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng; chị đóng được khoảng 07 tháng thì không khả năng nên chị xin góp mỗi ngày 500.000 đồng; thời gian góp chị cũng không nhớ; chị nhớ chỉ góp khoảng 50 ngày; Chị đưa tiền cho chị UA (M) mỗi ngày 500.000 đồng chứ không có trực tiếp góp cho chị A; sau đó chị có nhờ chị UA (M) nói với chị A dồn tiền nhưng chị A không đồng ý cho dồn tiền.

Tại phiên đối chất ngày 01/3/2021 chị B có lời khai nhận còn nợ lại chị UA 31.000.000 đồng còn phần của chị UA (M) vay 17.000.000 đồng nên chị chấp nhận thanh toán mỗi tháng là 300.000 đồng cho chị A.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng chị Nguyễn Thị Diễm UA (M) trình bày:

Chị B có nhờ chị viết giấy nợ dùm cho chị B, chị có ký tên chứng kiến vào giấy nợ thể hiện chị B vay của chị A: 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng. Chị không có nhận số tiền góp hàng ngày, không nhận 17.000.000 đồng như trình bày của chị B.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn yêu cầu chị B trả số tiền vốn còn nợ lại 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng, không tính lãi.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị đơn và người làm chứng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Bà Hồ Thị B có vay của bà Thái Thị Bé A số tiền 49.000.000 đồng (có làm giấy nhận nợ). Quá trình vay bà B cũng như bà A xác nhận có nhận tiền 1.000.000 đồng do bà B trả. Hiện bà B còn nợ 48.000.000 đồng. Do đó, việc bà A khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền còn nợ, không yêu cầu tính lãi, là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bà B cho rằng bà UA vay tiền từ bà Bé A dùm bà, số tiền vốn vay chỉ có 20.000.000 đồng, lãi 29.000.000 đồng, đã góp trả chỉ còn nợ 31.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng nhưng ngoài lời khai bà B không còn chứng cứ nào khác chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, Căn cứ Điều 463 BLDS 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

\* *Về tố tụng:*

[1] *Thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn có nơi cư trú tại k khóm MT, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

\* *Về nội dung:*

[2] Về vốn vay:

- Vốn vay: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ lại 48.000.000 đồng theo giấy nhận nợ không đề ngày tháng năm nhưng có hứa sẽ trả dứt vào đầu tháng 11 năm 2018 ÂL, nhưng năm 2019 bị đơn có trả 1.000.000

đồng, nên vốn gốc còn nợ lại là 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng và yêu cầu bị đơn trả ngay, không tính lãi.

Bị đơn xác định hiện có ký giấy nhận nợ với nguyên đơn số tiền là 49.000.000 đồng. A 2020, bị đơn có trả vốn 1.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn cho rằng trong khoản tiền 49.000.000 đồng, bị đơn đã đưa tiền cho chị Diễm UA góp cho nguyên đơn và tại phiên đối chất ngày 01/3/2021 bị đơn đồng ý trả số nợ 31.000.000 (Ba mươi một triệu) đồng, phần 17.000.000 đồng còn lại là của chị Diễm UA vay, lời trình bày của bị đơn, nguyên đơn và người làm chứng không thừa nhận và bị đơn cho biết bà chỉ khai theo sự thật không có chứng cứ chứng minh.

Xét, chị A và chị B có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tiền, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc chị Bé A khởi kiện yêu cầu chị B trả nợ vay là có căn cứ chấp nhận.

Theo thỏa thuận tại “Giấy nhận nợ” không ghi ngày tháng năm, nhưng nội dung thể hiện: vốn gốc 49.000.000 đồng, mỗi ngày góp 300.000 đồng và sẽ thanh toán dứt vào tháng 11/2018 ÂL (có biên nhận nợ); không tính lãi; nhưng đến nay chị B trả được 1.000.000 đồng. Nay yêu cầu chị B trả cho chị số tiền 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng không tính lãi. Bị đơn không có chứng cứ chứng minh về khoản tiền góp hàng ngày cũng như việc đưa tiền cho chị Thủy góp cho nguyên đơn. Riêng khoản tiền 17.000.000 đồng nếu chị B đưa cho chị Thủy vay thì bị được quyền khởi kiện chị Thủy.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn vay còn lại: 48.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### [3] Về án phí:

Chị B có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Hồ Thị B có trách nhiệm trả cho chị Thái Thị Bé A số tiền 48.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

Chị Hồ Thị B phải chịu 2.400.000 (Hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thái Thị Bé A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho A số tiền 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0004241 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đức.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bé A có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**